

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Invesment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn UpCOM với mã giao dịch là: PLA.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Số 775 đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

### **HỘI QUẢN QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lương Quang Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Phùng Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)
Ông Ngô Minh Sơn	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Vũ Cao Dương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Vũ Quế	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)
Bà Vũ Thị Thúy Diệp	Thành viên (Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, bổ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát ngày 15/4/2025)
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Trung Kiên	Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 16/7/2025)
-----------------------	---

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Trung Kiên**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Số: 159/2026/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>59.001.811.042</b>	<b>54.213.768.460</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.071.655.954</b>	<b>2.409.826.206</b>
1. Tiền	111		2.871.655.954	2.409.826.206
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.200.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>47.920.000.000</b>	<b>42.191.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	47.920.000.000	42.191.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.632.808.878</b>	<b>7.290.273.471</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.338.320.772	4.437.981.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.447.820.000	5.488.820.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.562.514.558	4.429.318.903
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.715.846.452)	(7.065.846.452)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>249.567.888</b>	<b>223.316.305</b>
1. Hàng tồn kho	141		249.567.888	223.316.305
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.127.778.322</b>	<b>2.099.352.478</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	43.295.513	170.652.087
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		894.069.711	1.738.287.293
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	190.413.098	190.413.098
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+250+260)	<b>200</b>		<b>54.272.357.989</b>	<b>60.657.853.540</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.104.450.264</b>	<b>13.928.498.852</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	12.067.565.877	13.874.684.457
- Nguyên giá	222		25.385.124.620	25.385.124.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.317.558.743)	(11.510.440.163)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	36.884.387	53.814.395
- Nguyên giá	228		135.440.000	135.440.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.555.613)	(81.625.605)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>22.736.554.676</b>	<b>24.172.078.388</b>
1. Nguyên giá	231		34.582.193.120	34.582.193.120
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.845.638.444)	(10.410.114.732)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>1.917.000.000</b>	<b>1.917.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.917.000.000	1.917.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.514.353.049</b>	<b>18.640.276.300</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	15.514.353.049	18.640.276.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>113.274.169.031</b>	<b>114.871.622.000</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>17.466.898.203</b>	<b>19.199.488.499</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.995.625.469</b>	<b>6.882.033.947</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.295.881	34.834.116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		311.762.117	232.341.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	173.339.246	86.866.770
4. Phải trả người lao động	314		945.415.668	1.102.012.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.634.276.569	856.652.800
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	2.283.516.748	2.806.186.004
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.632.533.056	1.753.654.086
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.486.184	9.486.184
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.471.272.734</b>	<b>12.317.454.552</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	9.464.272.734	11.362.454.552
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	1.007.000.000	955.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>95.807.270.828</b>	<b>95.672.133.501</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>95.807.270.828</b>	<b>95.672.133.501</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.739.309.410	12.739.309.410
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.376.525.328	1.376.525.328
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.308.563.910)	(18.443.701.237)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(18.443.701.237)</i>	<i>(17.654.532.737)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>135.137.327</i>	<i>(789.168.500)</i>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>113.274.169.031</b>	<b>114.871.622.000</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

*Toàn*

*Nguyễn Phương Nhung*



Nguyễn Đức Toàn

Vũ Phương Nhung

Nguyễn Trung Kiên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	20.749.021.559	23.462.816.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		20.749.021.559	23.462.816.455
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.136.088.333	14.627.613.908
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>8.612.933.226</b>	<b>8.835.202.547</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.930.608.522	2.361.129.022
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	3.855.114.595	3.990.307.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	7.556.750.951	7.610.647.904
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>131.676.202</b>	<b>(404.624.125)</b>
{30 = 20+(21-22)-(25+26)}				
11. Thu nhập khác	31	6.5	15.920.651	45.357.857
12. Chi phí khác	32	6.5	12.459.526	385.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>3.461.125</b>	<b>(339.642.143)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>135.137.327</b>	<b>(744.266.268)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	44.902.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>135.137.327</b>	<b>(789.168.500)</b>

Người lập biểu

*Toàn*

**Nguyễn Đức Toàn**

Trưởng phòng TCKT

*Nhung*

**Vũ Phương Nhung**

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



*Kiên*  
**Nguyễn Trung Kiên**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		135.137.327	(744.266.268)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		3.259.572.300	3.331.229.632
- Các khoản dự phòng	03		650.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(17.280.676)	(13.201.560)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.913.327.846)	(1.811.616.907)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.114.101.105	762.144.897
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.965.602.069	307.811.299
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.251.583)	(56.700.587)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.732.590.296)	(4.270.589.640)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.253.279.825	2.611.828.917
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(29.781.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.574.141.120	(675.286.544)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90.636.000.000)	(73.298.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.907.000.000	62.279.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.815.090.561	2.212.071.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.913.909.439)	(8.806.928.975)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.696.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.696.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.660.231.681	(9.485.911.519)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.409.826.206	11.891.002.249
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.598.067	4.735.476
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	4.071.655.954	2.409.826.206

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

*Toàn*

Nguyễn Đức Toàn

Trưởng phòng TCKT

*Phong*

Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0101788806 thay đổi lần thứ 11 ngày 29/12/2021 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petroleum Logistic Service And Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn UpCOM với mã giao dịch là: PLA.

Trụ sở chính của Công ty: Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Số 775 đường Giải Phóng, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên đang làm việc tại Công ty tại ngày 31/12/2025 là 26 người (Tại ngày 31/12/2024 là 27 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu.
- ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cho thuê quyền sử dụng đất; Hiệu chuẩn thiết bị đo mức tự động Cửa hàng xăng dầu; Xây dựng tài liệu Quản lý an toàn Kho Xăng dầu; Kinh doanh xăng dầu.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025 Công ty có Công ty con như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỉ lệ góp vốn</b>	<b>Tỉ lệ lợi ích</b>	<b>Tỉ lệ biểu quyết</b>
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Xây dựng Petrolimex	Hà Nội	Tư vấn giám sát	63,0%	63,0%	63,0%

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Chính sách kế toán của các khoản ngoại tệ**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực thu, thực chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư vào Công ty con***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu Egas được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu Egas được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 08 năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là Giá trị tòa nhà văn phòng số 01 Phạm Huy Thông do Công ty làm chủ sở hữu tương ứng với phần diện tích Công ty đang cho thuê.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 đến 25 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Tiền thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu trả trước**

Tiền thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu trả trước thể hiện khoản tiền thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu đã trả cho những tài sản Công ty đang sử dụng. Tiền thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 12 năm đến 25 năm, theo từng hợp đồng thuê.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng năm tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu cho thuê tài sản trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Năm 2025, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một khu vực địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	162.122.534	142.337.877
Tiền gửi ngân hàng	2.709.533.420	2.267.488.329
Các khoản tương đương tiền	1.200.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	1.200.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>4.071.655.954</u></b>	<b><u>2.409.826.206</u></b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển với lãi suất 3%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>47.920.000.000</b>	<b>47.920.000.000</b>	<b>42.191.000.000</b>	<b>42.191.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	47.920.000.000	47.920.000.000	42.191.000.000	42.191.000.000
<b>Tổng</b>	<b>47.920.000.000</b>	<b>47.920.000.000</b>	<b>42.191.000.000</b>	<b>42.191.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% - 6,9%/năm.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.338.320.772</b>	<b>4.437.981.020</b>
Công ty TNHH MTV - TCT Xây lắp và Thương mại Petrokimex	863.149.589	1.275.972.446
LOGO ZEN INC	541.134.711	992.301.302
Công ty TNHH TM DV & SX Athena (i)	1.897.556.452	1.897.556.452
Phải thu các khách hàng khác	36.480.020	272.150.820
<b>Tổng</b>	<b>3.338.320.772</b>	<b>4.437.981.020</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan** 869.629.609 1.516.623.266  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(i): Khoản nợ đã được Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**5.4 Trả trước cho người bán**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.447.820.000</b>	<b>5.488.820.000</b>
Công ty CP Đầu tư Phát triển văn phòng (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP TVXD và Môi trường Ngũ Giác (ii)	1.300.000.000	1.300.000.000
Trả trước cho các đối tượng khác	147.820.000	188.820.000
<b>Tổng</b>	<b>5.447.820.000</b>	<b>5.488.820.000</b>

Trong đó:

**Trả trước cho người bán là các bên liên quan** 15.000.000 15.000.000  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(i) Khoản nợ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(ii) Khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng cửa hàng xăng dầu tại đường Lý Thường Kiệt, TP. Dĩ An - Bình Dương, đang chờ phê duyệt phương án sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.5 Phải thu khác**

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.562.514.558</b>	<b>(1.168.290.000)</b>	<b>4.429.318.903</b>	<b>(1.168.290.000)</b>
Tạm ứng	2.504.395.990	-	2.527.056.998	-
Công ty CP Đầu tư W29	868.290.000	(868.290.000)	868.290.000	(868.290.000)
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN	300.000.000	(300.000.000)	300.000.000	(300.000.000)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	440.206.331	-	341.969.046	-
Phải thu khác	449.622.237	-	392.002.859	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
Ký quỹ ký cược	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV - TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex (i)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>6.562.514.558</b>	<b>(1.168.290.000)</b>	<b>6.429.318.903</b>	<b>(1.168.290.000)</b>
Trong đó:				
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.012.418.490</b>	<b>-</b>	<b>2.004.211.137</b>	<b>-</b>
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)				

(i) Hợp đồng số 01/2019/HĐCTTS/PGCC - PLAND ngày 24/4/2019 về việc thuê tài sản tại số 775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Thời hạn thuê: 25 năm; Tiền đặt cọc hợp đồng: 2.000.000.000 VND để đảm bảo việc thực hiện các nội dung của hợp đồng.

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1.897.556.452</b>	<b>(1.897.556.452)</b>	<b>-</b>	<b>1.897.556.452</b>	<b>(1.897.556.452)</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Sản xuất Athena	1.897.556.452	(1.897.556.452)	-	1.897.556.452	(1.897.556.452)	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>5.300.000.000</b>	<b>(4.650.000.000)</b>	<b>650.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Văn phòng	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Công ty CP TVXD và Môi trường Ngũ Giác	1.300.000.000	(650.000.000)	650.000.000	-	-	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.168.290.000</b>	<b>(1.168.290.000)</b>	<b>-</b>	<b>1.168.290.000</b>	<b>(1.168.290.000)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư W29	868.290.000	(868.290.000)	-	868.290.000	(868.290.000)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng & Kinh doanh Bất động sản ATIS Việt Nam	300.000.000	(300.000.000)	-	300.000.000	(300.000.000)	-
<b>Tổng</b>	<b>8.365.846.452</b>	<b>(7.715.846.452)</b>	<b>650.000.000</b>	<b>7.065.846.452</b>	<b>(7.065.846.452)</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.295.513</b>	<b>170.652.087</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.295.513	170.652.087
<b>Dài hạn</b>	<b>15.514.353.049</b>	<b>18.640.276.300</b>
Công cụ dụng cụ	42.928.425	37.365.888
Tiền thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu (i)	4.924.666.667	6.364.666.667
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu Huế và Đà Nẵng (ii)	10.471.818.134	12.217.272.686
Chi phí trả trước dài hạn khác	74.939.823	20.971.059
<b>Tổng</b>	<b>15.557.648.562</b>	<b>18.810.928.387</b>

(i) Hợp đồng HTKD 07/HTKD/SHPT - Pland ngày 10/6/2019 tại Cao Xá - Phú Thọ, thời hạn thuê 20 năm; Hợp đồng HTKD 07/HTKD ngày 16/5/2019 tại Phú Lộc - Phú Thọ, thời hạn thuê 25 năm.

(ii) Hợp đồng số 454/HĐTTS ngày 21/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu tại 187 Hùng Vương, thành phố Huế, thời hạn thuê 144 tháng và Hợp đồng 06/HĐTTS ngày 27/8/2018 về việc cho thuê tài sản, thiết bị, cửa hàng xăng dầu số 61 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Đà Nẵng, thời hạn thuê 240 tháng.

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	15.548.338.298	3.950.915.185	2.432.064.910	3.453.806.227	25.385.124.620
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>15.548.338.298</u>	<u>3.950.915.185</u>	<u>2.432.064.910</u>	<u>3.453.806.227</u>	<u>25.385.124.620</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2025	4.797.787.265	2.127.387.967	2.432.064.910	2.153.200.021	11.510.440.163
Tăng trong năm	1.045.539.600	405.794.316	-	355.784.664	1.807.118.580
Khấu hao trong năm	1.045.539.600	405.794.316	-	355.784.664	1.807.118.580
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>5.843.326.865</u>	<u>2.533.182.283</u>	<u>2.432.064.910</u>	<u>2.508.984.685</u>	<u>13.317.558.743</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	<u>10.750.551.033</u>	<u>1.823.527.218</u>	-	<u>1.300.606.206</u>	<u>13.874.684.457</u>
Tại 31/12/2025	<u>9.705.011.433</u>	<u>1.417.732.902</u>	-	<u>944.821.542</u>	<u>12.067.565.877</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 3.104.712.476 VND (tại ngày 01/01/2025 là 2.726.953.476 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	135.440.000	135.440.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>135.440.000</u>	<u>135.440.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2025	81.625.605	81.625.605
Tăng trong năm	16.930.008	16.930.008
Khấu hao trong năm	16.930.008	16.930.008
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>98.555.613</u>	<u>98.555.613</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2025	<u>53.814.395</u>	<u>53.814.395</u>
Tại 31/12/2025	<u>36.884.387</u>	<u>36.884.387</u>

**5.10 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê (i)</b>				
<b>Nguyên giá</b>	34.582.193.120	-	-	34.582.193.120
- Nhà cửa vật kiến trúc	34.582.193.120	-	-	34.582.193.120
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	10.410.114.732	1.435.523.712	-	11.845.638.444
- Nhà cửa vật kiến trúc	10.410.114.732	1.435.523.712	-	11.845.638.444
<b>Giá trị còn lại</b>	24.172.078.388	-	1.435.523.712	22.736.554.676
- Nhà cửa vật kiến trúc	24.172.078.388	-	1.435.523.712	22.736.554.676

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê là Sàn văn phòng tòa nhà A2 Ngọc Khánh tại số 01 Phạm Huy Thông, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm lần lượt là 7.135.114.638 VND và 1.435.523.712 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp chưa hướng dẫn cụ thể phương pháp xác định và kế toán giá trị hợp lý bất động sản đầu tư, do đó Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Công ty con</b>								
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Xây dựng Petrolimex	63%	63%	1.917.000.000	-	-	1.917.000.000	-	-
<b>Tổng</b>			<b>1.917.000.000</b>	<b>(i)</b>	<b>-</b>	<b>1.917.000.000</b>	<b>(i)</b>	<b>-</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trong trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>86.866.770</b>	<b>288.857.333</b>	<b>202.384.857</b>	<b>173.339.246</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	20.440.875	20.440.875	-
Thuế thu nhập cá nhân	86.866.770	257.066.124	170.593.648	173.339.246
Lệ phí môn bài	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	350.334	350.334	-
<b>Phải thu</b>	<b>190.413.098</b>	-	-	<b>190.413.098</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	190.413.098	-	-	190.413.098

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.634.276.569</b>	<b>856.652.800</b>
Trích trước tiền thuê khoán chuyên môn Hiệu chuẩn thiết bị đo mức tự động, tài liệu Quản lý an toàn CHXD cho các Công ty Xăng dầu	1.634.276.569	856.652.800
<b>Tổng</b>	<b>1.634.276.569</b>	<b>856.652.800</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.14 Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.283.516.748</b>	<b>2.806.186.004</b>
Doanh thu cho thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu tại Huế và Đà Nẵng	1.898.181.818	1.898.181.818
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, dịch vụ	385.334.930	908.004.186
<b>Dài hạn</b>	<b>9.464.272.734</b>	<b>11.362.454.552</b>
Doanh thu cho thuê tài sản, thiết bị cửa hàng xăng dầu tại Huế và Đà Nẵng	9.464.272.734	11.362.454.552
<b>Tổng</b>	<b>11.747.789.482</b>	<b>14.168.640.556</b>

**5.15 Phải trả khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.632.533.056</b>	<b>1.753.654.086</b>
Kinh phí công đoàn	31.029.628	43.668.851
Cổ tức phải trả	132.798.700	132.798.700
Phải trả khác	1.468.704.728	1.577.186.535
<i>Vốn hoàn trả các cổ đông (i)</i>	<i>1.152.110.000</i>	<i>1.153.110.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>316.594.728</i>	<i>424.076.535</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>1.007.000.000</b>	<b>955.000.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (ii)	1.007.000.000	955.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.639.533.056</b>	<b>2.708.654.086</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>37.328.000</b>	<b>37.328.000</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

- (i) Hoàn trả vốn các cổ đông theo Nghị quyết số 38/Pland-NQ-ĐHDCĐ ngày 05/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông.
- (ii) Nhận đặt cọc hợp đồng cho thuê văn phòng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(17.654.532.737)	96.461.302.001
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(789.168.500)	(789.168.500)
Số dư tại 31/12/2024	<u>100.000.000.000</u>	<u>12.739.309.410</u>	<u>1.376.525.328</u>	<u>(18.443.701.237)</u>	<u>95.672.133.501</u>
Số dư tại 01/01/2025	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(18.443.701.237)	95.672.133.501
Lãi trong năm nay	-	-	-	135.137.327	135.137.327
Số dư tại 31/12/2025	<u>100.000.000.000</u>	<u>12.739.309.410</u>	<u>1.376.525.328</u>	<u>(18.308.563.910)</u>	<u>95.807.270.828</u>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	51.000.000.000	51.000.000.000
Tổng công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	14.150.000.000	14.150.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đông Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	15.050.000.000	15.050.000.000
<b>Tổng</b>	<u><b>100.000.000.000</b></u>	<u><b>100.000.000.000</b></u>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	217,60	5.679.325	261,90	6.674.387
<b>Tổng</b>		<b>5.679.325</b>		<b>6.674.387</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.238.411.829	7.585.509.839
Doanh thu cho thuê văn phòng, dịch vụ	13.512.427.912	13.979.124.800
Doanh thu cho thuê thiết bị, cửa hàng xăng dầu	1.998.181.818	1.898.181.816
<b>Tổng</b>	<b>20.749.021.559</b>	<b>23.462.816.455</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>9.574.901.980</i>	<i>10.592.252.021</i>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.953.689.703	6.698.278.536
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng, dịch vụ	5.549.944.078	6.183.880.820
Giá vốn cho thuê thiết bị, cửa hàng xăng dầu	1.632.454.552	1.745.454.552
<b>Tổng</b>	<b>12.136.088.333</b>	<b>14.627.613.908</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.289.627.846	1.724.227.462
Cổ tức lợi nhuận được chia	623.700.000	623.700.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	17.280.676	13.201.560
<b>Tổng</b>	<b>2.930.608.522</b>	<b>2.361.129.022</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu tài chính với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>623.700.000</i>	<i>623.700.000</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>3.855.114.595</b>	<b>3.990.307.790</b>
Chi phí nhân viên	808.401.845	765.751.196
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	2.938.510	10.163.872
Chi phí khấu hao TSCĐ	986.023.452	1.017.070.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.545.726.375	2.175.680.596
Chi phí bằng tiền khác	512.024.413	21.641.170
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.556.750.951</b>	<b>7.610.647.904</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.570.201.402	3.693.894.729
Chi phí vật liệu quản lý	22.329.000	29.644.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.852.856	47.202.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	838.025.136	878.634.964
Thuế phí và lệ phí	25.371.221	33.012.210
Chi phí dự phòng	650.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	962.374.619	832.214.666
Chi phí bằng tiền khác	1.454.596.717	2.096.045.113
<b>Tổng</b>	<b>11.411.865.546</b>	<b>11.600.955.694</b>

**6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	-	15.357.520
Thu phạt hợp đồng	-	30.000.000
Thu nhập khác	15.920.651	337
<b>Tổng</b>	<b>15.920.651</b>	<b>45.357.857</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Hoàn trả tiền lãi đặt cọc	-	385.000.000
Chi phí khác	12.459.526	-
<b>Tổng</b>	<b>12.459.526</b>	<b>385.000.000</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>3.461.125</b>	<b>(339.642.143)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thu nhập khác với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	-	108.500.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>135.137.327</b>	<b>(744.266.268)</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
- Các khoản điều chỉnh tăng:		
+ Chi phí tài trợ	402.741.160	1.133.545.151
+ Xử lý chi phí xây dựng dở dang tồn đọng	-	10.000.000
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	-	551.668.075
+ Chi phí không được trừ khác	389.931.300	378.206.400
	12.809.860	193.670.676
- Các khoản điều chỉnh giảm:		
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	640.980.676	666.846.287
+ Lãi do đánh giá lại số dư tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ	623.700.000	623.700.000
	17.280.676	13.201.560
+ Điều chỉnh doanh thu do xuất lại hóa đơn năm 2023	-	29.944.727
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(103.102.189)</b>	<b>(277.567.404)</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Điều chỉnh Thuế TNDN các năm trước	-	44.902.232
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>44.902.232</b>

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.111.243.904	9.180.541.739
Chi phí nhân công	6.144.367.486	5.389.608.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.259.572.300	3.331.229.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.607.194.768	6.006.684.869
Chi phí khác bằng tiền	3.801.827.004	2.377.205.507
Chi phí dự phòng	650.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>23.574.205.462</b>	<b>26.285.270.189</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (PECO)	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (PEC)	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (PITCO)	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty TNHH Hóa chất PTN	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Công ty mẹ trực tiếp
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây lắp 1 Petrolimex	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp III Petrolimex	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Các Công ty con trực tiếp và Công ty con gián tiếp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Cùng Công ty mẹ tối cao

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và Cổ đông**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Hội đồng Quản trị Ban Kiểm soát Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương và thù lao	1.949.783.054	1.705.420.115

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Chi tiết như sau:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Ông Lương Quang Hiếu	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	72.941.000	55.176.000
Ông Trương Hùng Sơn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/4/2024)	-	23.408.000
Ông Phùng Ngọc Quang	Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)	23.408.000	56.848.000
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	55.176.000	55.176.000
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)	16.093.000	55.176.000
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kỳ ngày 15/4/2025)	16.093.000	55.176.000
Ông Ngô Minh Sơn	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	368.969.400	252.531.951
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)/ Tổng Giám đốc	484.106.403	377.183.783
Ông Vũ Cao Dương	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	39.083.000	-
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	39.083.000	-
Ông Nguyễn Vũ Quế	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	39.083.000	-
Bà Trần Thị Hường	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	50.348.100	38.623.200
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên Ban kiểm soát (Tái bổ nhiệm ngày 15/4/2025)	38.623.200	38.623.200
Bà Vũ Thị Thúy Điệp	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngày 15/4/2025)	369.732.988	298.900.191
Ông Phạm Lê Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/6/2024)	37.620.000	181.899.489
Bà Vũ Phương Nhung	Trưởng phòng TCKT	299.422.963	216.698.301
<b>Tổng</b>		<b>1.949.783.054</b>	<b>1.705.420.115</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**Số 1 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám,  
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****b. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>9.574.901.980</b>	<b>10.592.252.021</b>
Công ty TNHH MTV - TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	3.411.044.908	4.825.589.009
Tập đoàn xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	1.281.934.680	1.365.088.384
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con	639.051.996	592.536.755
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng Công ty mẹ trực tiếp	45.014.496	90.225.715
Tổng công ty Vận tải Thủy Petrolimex	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	253.563.240	253.563.240
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	-	22.043.554
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	Cùng hệ thống Tập đoàn Xăng dầu	36.592.362	7.066.084
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai (Tên cũ: Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	93.700.000	367.068.262
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lai Châu (Tên cũ: Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	35.200.000	34.200.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	116.200.000	116.200.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	76.929.300	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	146.039.180	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Vĩnh Long (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Vĩnh Long)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	211.200.000	204.864.000
Công ty Xăng dầu Sông Bé -TNHH MTV	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	140.400.000	133.250.000
Chi nhánh Bình Phước - Công ty Xăng dầu Sông Bé -TNHH MTV	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	59.670.000	55.250.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lâm Đồng (Tên cũ: Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	442.000.000	428.400.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên (Tên cũ: Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	70.400.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cao Bằng (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Cao Bằng)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	24.000.000	44.400.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Điện Biên (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Điện Biên)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	49.680.000	46.800.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Bắc Ninh (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Hà Bắc)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	66.300.000	27.650.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Huế (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	1.180.000.000	1.080.000.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng (Tên cũ: Công ty Xăng Dầu khu vực V - TNHH MTV)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	818.181.818	827.657.018
Chi nhánh Petrolimex Hà Giang (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Hà Giang)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	182.400.000	-
CN Petrolimex Bắc Lào Cai - Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào Cai	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	24.400.000	-
CN Petrolimex Đắk Nông - Công ty TNHH MTV Petrolimex Lâm Đồng	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	241.400.000	-
<b>Mua hàng</b>		<b>5.549.809.882</b>	<b>6.492.636.329</b>
Công ty TNHH MTV - TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ	545.454.546	545.454.546
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Phú Thọ)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	5.004.355.336	5.947.181.783
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>623.700.000</b>	<b>623.700.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con	623.700.000	623.700.000
<b>Thu nhập khác</b>		<b>-</b>	<b>108.500.000</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Phú Thọ)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	108.500.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>869.629.609</b>	<b>1.516.623.266</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	6.480.020	20
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con	-	146.764.800
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Phú Thọ)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	52.846.000
Tổng Công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ trực tiếp	863.149.589	1.275.972.446
Công ty TNHH MTV Petrolimex Thái Nguyên (Tên cũ: Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	41.040.000
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con	15.000.000	15.000.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>2.012.418.490</b>	<b>2.004.211.137</b>
Công ty TNHH MTV - TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex	Công ty mẹ trực tiếp	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	Cùng công ty mẹ trực tiếp	-	1.583.283
Tổng Công ty gas petrolimex - CTCP	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	2.627.854
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ - Xây dựng Petrolimex	Công ty con	12.418.490	-
<b>Phải trả người bán</b>		<b>-</b>	<b>5.075.515</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Phú Thọ)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	5.075.515
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>311.762.117</b>	<b>232.341.761</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Ninh Bình (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	-	83.083.644
Công ty TNHH MTV Petrolimex Hà Nội	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	245.258.117	149.258.117
Công ty TNHH MTV Petrolimex Phú Thọ (Tên cũ: Công ty Xăng dầu Phú Thọ)	Công ty con của Tập đoàn Xăng dầu	66.504.000	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>37.328.000</b>	<b>37.328.000</b>
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	37.328.000	37.328.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**Người lập biểu**

*Toàn*

**Nguyễn Đức Toàn**

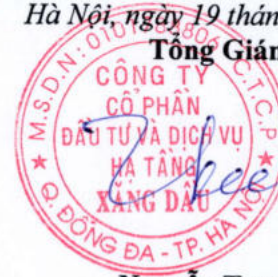
**Trưởng phòng TCKT**

*Nhung*

**Vũ Phương Nhung**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Trung Kiên**

